

(2) Ta không dùng **the** trước các từ sau đây: **go to bed** (đi ngủ), **in bed** (trên giường ngủ); **go to work** (đi làm); **be at work** (ở chỗ làm); **start work** (bắt đầu làm việc); **finish work** (kết thúc công việc)

+ *I'm going to bed now. Goodnight*

+ *Do you ever have breakfast in bed?*

+ *Chris didn't go to work yesterday.*

+ *What time do you usually finish work?*

(3) Ta không dùng **the** trước **HOME** (nhà): **go home**; **come home**; **arrive home**; **get home**; **be at home**

+ *It's late. Let's go home.*

+ *Will you be at home tomorrow afternoon?*

(4) Ta nói: **go to sea/be at sea** (không có **THE**) khi mang nghĩa là đi biển (1 người sống hay làm việc lênh dên trên biển).

VD: *Keith works on ships. He's at sea most of the time* (Keith làm việc trên thuyền. Phần lớn thời gian anh ấy ở trên biển)

BUT: - *I'd like to live near the sea* (tôi thích sống gần biển)

- *It can be dangerous to swim in the sea* (Bơi trên biển có thể rất nguy hiểm)

PHẦN 4: CÁCH DÙNG THE (3)

(1) Khi ta nói về các đối tượng chung chung không cụ thể 1 ai/1 vật gì ta không dùng **THE**

+ *I am afraid of dogs* (tôi sợ chó – chó nói chung chứ không cụ thể là con chó nào)

+ *Doctors are usually paid more than teachers* (Bác sĩ thường được trả lương cao hơn giáo viên – Bác sĩ và giáo viên nói chung không cụ thể bác sĩ hay giáo viên nào)

+ *I like collecting stamps* (Tôi thích sưu tập tem - Các loại tem nói chung)

+ *Crime is a problem in most big cities* (Tội phạm là 1 vấn đề phổ biến ở hầu hết các thành phố lớn – Tội phạm nói chung không cụ thể tội phạm nào)

+ *Life has changed a lot in the last thirty years* (Cuộc sống đã thay đổi rất nhiều trong 30 năm qua – Cuộc sống nói chung)

(2) Không dùng **THE** trước các danh từ chỉ môn học và thể thao

+ *My favourite sport is football/skiing/athletics* (Môn thể thao yêu thích của tôi là bóng đá/trượt tuyết/ điền kinh).

+ *My favorite subject at school was history/physics/English* (Môn học yêu thích của tôi ở trường là lịch sử/ vật lý/ tiếng anh).

(3) Ta luôn dùng: MOST + DTSN : most people; most shops; most cars... (phần lớn mọi người; cửa hàng; xe hơi...)

(4) So sánh giữa việc dùng THE và không dùng THE

+ *Children learn from playing* (Trẻ em học thông qua chơi – Trẻ em nói chung không kể riêng trẻ em cụ thể nào)

+ *We took the children to the zoo* (Chúng tôi đưa bọn trẻ đến sở thú – the children là 1 nhóm trẻ em cụ thể, có thể là những đứa con cháu của người nói)

+ *I couldn't live without music* (Tôi không thể sống thiếu âm nhạc – âm nhạc nói chung)

+ *The film wasn't good, but I liked the music* (Bộ phim không hay nhưng tôi thích phần nhạc – the music ở đây là nhạc của bộ phim đó) + *All cars have wheels* (Tất cả xe hơi đều có vô lăng)

+ *Sugar isn't good for you* (Đường thì không tốt cho bạn – đường nói chung) + *Can you pass the sugar, please?* (Bạn có thể chuyển đường cho tôi không – the sugar là đường ở trên bàn, đường mà tôi muốn bạn chuyển cho tôi chứ không phải cái nào khác)

+ *English people drink a lot of tea* (Người anh uống trà rất nhiều – người anh nói chung không kể cụ thể ai)

+ *The English people that I know drink tea a lot* (Những người anh mà tôi biết uống trà rất nhiều – the English people là một nhóm người anh cụ thể, những người anh mà tôi biết chứ không phải những người anh nào khác)

PHẦN 5: CÁCH DÙNG THE (4)

1. THE đôi khi không dùng để chỉ 1 vật/1 người cụ thể nào mà dùng để nói về 1 loại (động vật, máy móc, thiết bị...)

VD: *The giraffe is the tallest of all animals* (Hươu cao cổ là loài cao nhất trong các con vật – The giraffe ở đây không phải là một con hươu cao cổ cụ thể nào mà chỉ đang nói đến hươu cao cổ như 1 loài)

- The bicycle is an excellent means of transport (Xe đạp là một phương tiện giao thông rất tuyệt vời. The bicycle không phải là 1 cái xe đạp cụ thể nào mà 1 loại phương tiện)
- When was the telephone invented? (Điện thoại được phát minh khi nào? – The telephone không phải là cái điện thoại cụ thể nào mà là 1 loại phương tiện liên lạc)
Tương tự ta có sử dụng THE trước các danh từ chỉ nhạc cụ:
- Can you play the guitar? (Bạn có thể chơi guitar không?)
- The piano is my favorite instrument (Piano là nhạc cụ yêu thích của tôi)

SO SÁNH:

- + I'd like to have a piano (Tôi muốn có 1 chiếc piano – nói về cây đàn)
- + I can't play the piano (Tôi không biết chơi piano – nói về thể loại nhạc cụ)
- + We saw a giraffe at the zoo (Chúng tôi thấy 1 con hươu cao cổ ở sở thú – nói về 1 con hươu cao cổ)
- + The giraffe is my favorite animal (Hươu cao cổ là loài động vật yêu thích của tôi – nói về loài động vật)

NOTE: Không dùng THE trước MAN = (human beings/the human race – con người).

- + What do you know about the origins of man? (Bạn biết gì về nguồn gốc của con người?)

(2) Ta dùng THE trước tính từ để nói về 1 nhóm người.

- + the young: những người trẻ + the rich: những người giàu
- + the old: những người già + the poor: những người nghèo
- + the elderly: những người già + the sick: những người ốm
- + the homeless: những người vô gia cư + the disabled: những người khuyết tật
- + the unemployed: những người thất nghiệp
- + the injured: những người bị thương + the dead: những người chết

NOTE: những từ trên mang nghĩa là 1 danh từ, nếu làm chủ ngữ sẽ đi với động từ SỐ NHIỀU.

VD: The rich aren't always happy (những người giàu không phải luôn luôn hạnh phúc)

(3) Dùng THE + QUỐC TỊCH (đuôi -ch; - sh; - ese) để nói về con người của quốc gia đó

+ the French: người pháp = the people of France.

+ the English: người Anh = the people of England

+ The Spanish: người Tây Ban Nha = The people of Spain

+ the Chinese: người Trung Quốc

+ the Vietnamese: người Việt Nam

+ the Japanese: người Nhật

NOTE: Những danh từ trên là danh từ số nhiều => Đi với động từ số nhiều khi làm chủ ngữ.

+ The Chinese are very sly (Người Trung Quốc rất lươn lẹo)

- Với các quốc tịch khác, để tạo hình thức số nhiều ta thêm s

VD: an Italian – Italians - a Mexican – Mexicans - a Turk – Turks

PHẦN 5: NHỮNG DANH TỪ DÙNG VÀ KHÔNG DÙNG VỚI THE (1)

(1) Thông thường ta không dùng THE trước tên riêng bao gồm:

Tên châu lục	Africa (không dùng: The Africa); Europe; South America
Tên quốc gia, bang	France, Vietnam, Japan, Brazil
Tên đảo	Sicily, Bermuda, Tasmania
Tên thành phố, thị trấn	Cairo, New York, Bangkok...
Tên núi	Everest, Etna, Kilimanjaro...

- Tuy nhiên, ta dùng THE với các danh từ chứa: Republic (cộng hòa); Kingdom (vương quốc); States (bang; chủng quốc)

+ the Czech Republic : cộng hòa Séc

+ the United Kingdom (vương Quốc Anh)

+ the Dominican Republic (Cộng hòa Dominica)

+ the United States (Hoa Kỳ)

(2) Khi ta dùng Mr/Mrs/Miss/Captain/ Doctor/President/Uncle... + TÊN, ta không dùng THE.

+ Mr Johnson (Ông Johnson)

+ Doctor Johnson (Bác sĩ Johnson)

+ Captain Johnson (Thuyền trưởng Johnson)

+ President Johnson (tổng thống Johnson)

Không nói: The Doctor Johnson; the Mr Johnson...

SO SÁNH: We called the doctor và: We called Doctor Johnson

- TUƠNG TỰ, ta dùng MOUNT (núi) + TÊN, LAKE (hồ) + TÊN mà không dùng THE

+ Mount Everest (Núi Everest) + Mount Etna (Núi Etna)

+ Lake Superior (Hồ Superior) + Lake Victoria (Hồ Victoria)

- SO SÁNH: + They live near Lake Superior và: They live near the lake

(3) Chúng ta dùng THE trước tên của Đại dương; Biển; Sông; Kênh đào; Sa mạc

+ the Atlantic Ocean (Đại Tây Dương) + the Red Sea (biển đỏ)

+ the Amazon (sông Amazon) + the Indian Ocean (Ấn Độ Dương)

+ the Channel (biển Channel) + the Nile (sông Nin)

+ the Mediterranean (biển Địa Trung Hải) + the Suez Canal (Kênh đào Suez)

+ the Sahara desert (Sa mạc Sahara) + the Gobi desert (Sa mạc Gobi)

(4) Dùng THE trước tên riêng khi tên riêng là SỐ NHIỀU

Tên người	The Johnsons (gia đình ông Giôn-son); the Taylors (gia đình bà Tay-lơ), the Xoans (gia đình nhà cô Xoan)...
Tên nước	The Netherlands (Hà Lan); the Philippines; the United States
Tên quần đảo	The Cannaries (Quần đảo Canary), the Bahamas (quần đảo Bahama)
Tên dãy núi	The Rocky Mountains; the Andes; the Alps

+ The highest mountain in the Andes is Mount Aconcagua (Núi cao nhất ở dãy Andes là núi Aconcagua)

(4) Dùng THE trước danh từ chỉ phương hướng

+ the North of Brazil (phía bắc của Brazil) + the South (Phía nam)

+ the West (phía tây) + the East (phía đông)

NOTE: Tính từ của các danh từ trên lần lượt là: northern; southern; western; eastern. Ta không dùng THE trước các tính từ này.

VD: Sweden is in northern Europe; Spain is in the South (Thụy Điển ở phía bắc châu Âu; Tây Ban Nha ở phía nam)

+ Ta cũng nói: the Far East (vùng viễn đông); the Middle East (vùng trung đông)

+ Một số vùng ta không dùng THE: South America, North America, South East Asia.

PHẦN 6: NHỮNG DANH TỪ DÙNG VÀ KHÔNG DÙNG VỚI THE (2)

(1) Ta không dùng THE trước tên của Phố; Đường; Quảng trường; Công viên; Tòa nhà quan trọng

+ Xuan Thuy Street (not The Xuan Thuy Street)

+ Thu Le Park + Time Square (Quảng trường thời đại)

+ Queens Road (Đường Queens) + Fifth Avenue (Đại lộ Fifth Avenue)

+ Maschester Airport + Harvard University + Victoria Station

+ Cambridge University

(2) Phần lớn tên các tòa nhà khác ta dùng với THE.

Khách sạn	The Sheraton Hotel, the Bien Vang hotel
Rạp hát/ phim	The Palace Theatre; the Odeon cinema
Bảo tàng/ Phòng triển lãm	The Guggenheim Museum; the National Gallery
Tòa nhà khác	The Empire State Building; the White House; the Eiffel Tower

(3) Ta luôn dùng the với dạng: THE + TÊN + OF + DANH TỪ

+ the Bank of England (ngân hàng Anh)

- + McDonald's
- + Joe's Diner (restaurant)
- + St John's Church (Nhà thờ thánh St John)
- + St Patrick's Cathedral (Nhà thờ thánh Patrick)
- + Barclays (bank)
- + Macy's (cửa hàng)

+ Tổ chức: the European Union; the BBC; the Red Cross

+ Sony (not The Sony)	+ Samsung (not the Samsung)
+ Apple (not the Apple)	+ Singapore Airlines
+ Vietnam Airlines	+ Malaysia Airlines